

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 19/3/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Hải;
2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/3/2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 14/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-DS ngày 04/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ trụ sở: Số 198 đường T, phường L, quận H Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H chức vụ: Phó phòng khách hàng Ngân hàng T, chi nhánh D. Theo giấy ủy quyền số 09/UQ-DQU-HCNS ngày 02/01/2020.

- Bị đơn: Ông Trương Quang K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
+ Ông **Lê Văn H** (sinh năm 1960), bà **Đào Thị Đ** (sinh năm 1962).
Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
Bà H, ông H có mặt; Ông K, bà C, bà Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 05/06/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T(sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 11/5/2016, ông Trương Quang K và Ngân hàng T- Chi nhánh D ký Hợp đồng tín dụng số 877/2016/DQ, với nội dung thỏa thuận: Ông K vay 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*); thời hạn cho vay 09 tháng kể từ ngày ông K rút khoản vốn đầu tiên; mục đích vay vốn để kinh doanh mua bán keo; ông K trả nợ gốc vào cuối thời hạn vay, trả nợ lãi hàng tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm rút vốn đầu tiên được ghi trên Giấy nhận nợ và cố định trong thời gian vay. Ngày 11/5/2016, ông K nhận nợ 200.000.000đ. Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp số 721/2016/HĐTC.DQ ngày 11/05/2016 được ký giữa Ngân hàng T- Chi nhánh D với bà Nguyễn Thị C (mẹ ruột ông K). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Trương Quang K không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc và lãi vay. Hiện tại, thời hạn vay theo hợp đồng đã hết, Ngân hàng nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông K vẫn không trả.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Quang K phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 19/3/2020 là 271.197.172đ (*hai trăm bảy mươi một triệu, một trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm bảy mươi hai đồng*), trong đó nợ tiền gốc là 196.400.000đ, nợ tiền lãi trong hạn tính đến ngày 19/3/2020 là 50.499.901đ, nợ tiền lãi quá hạn tính đến ngày 19/3/2020 là 24.297.172đ. Đồng thời, ông Trương Quang K còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 20/3/2020 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 877/2016/DQ ngày 11/5/2016.

Trường hợp ông Trương Quang K không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 721/2016/HĐTC.DQ ngày 11/05/2016 được ký giữa Ngân hàng T - Chi nhánh D với bà Nguyễn Thị C là thửa đất số 456, tờ bản đồ số 14 (đo vẽ theo bản đồ năm 1999) tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được xử lý tại giai đoạn Thi hành án để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm sau khi xử lý không thu đủ nợ, thì ông Trương Quang K phải tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Đôi cây keo, trụ bê tông do vợ chồng ông Lê Văn H tự ý trồng sau khi thừa đất đã được thế chấp cho Ngân hàng, không được sự đồng ý của Ngân hàng là trái pháp luật. Ông H, bà Đ cam kết tự nguyện trong thời hạn 1 (một) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông bà sẽ tháo dỡ, Ngân hàng hoàn toàn đồng ý đề nghị Tòa ghi nhận.

- Bị đơn ông Trương Quang K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ, giấy triệu tập làm việc, thông báo xem xét thẩm định tại chỗ, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thông báo kết quả công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa .v.v. hợp lệ. Nhưng ông K, bà C không đến Tòa làm việc, không có văn bản gửi cho Tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và vợ chồng ông Lê Văn H.

- Tại biên bản làm việc ngày 23/9/2019, bản trình bày 15/01/2020, bản trình bày ngày 17/3/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, bà Đào Thị Đ trình bày: Nguyên thừa đất số 456, tờ bản đồ số 14 (đo vẽ theo bản đồ năm 1999) tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi của vợ chồng ông, bà. Ngày 11/4/2016, vợ chồng ông bà chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị C. Năm 2017, thấy thửa đất bỏ trống không canh tác nên vợ chồng ông, bà tự ý đến trồng cây keo trên toàn bộ thửa đất và có chôn 6 cây trụ bê tông làm ranh giới. Nay, Ngân hàng T khởi kiện bị đơn, ông bà biết việc vợ chồng tự ý trồng là sai pháp luật nhưng do dịch Covid -19 các Nhà máy dăm gỗ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tạm dừng hoạt động nên ông, bà chưa đốn chặt keo để bán được, ông H bà Đ cam kết trong thời hạn 1 (một) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông, bà có trách nhiệm chặt đốn toàn bộ cây keo, tháo dỡ trụ bê tông có trên thửa đất nêu trên để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương Quang K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, bà Đào Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có bản trình bày, không cung cấp chứng cứ, không có mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng, là vi phạm Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào nội dung hợp đồng tín dụng, việc bị đơn không trả nợ khi hết hạn hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ; căn cứ vào nội dung hợp đồng thế chấp tài sản, nếu không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý phát mãi để Ngân hàng thu hồi vốn vay. Vì vậy, đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về buộc ông Trương Quang K phải trả tiền gốc, lãi và phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ; nếu không trả hoặc trả không đầy đủ thì tài sản thế chấp bảo lãnh sẽ được xử lý để thu hồi nợ; trường hợp sau khi xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Trương

Quang K phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện đồn chặt toàn bộ cây keo, tháo dỡ trụ bê tông của ông Lê Văn H, bà Đào Thị Đ có trên thửa đất số 456, tờ bản đồ số 14 do vẽ theo bản đồ năm 1999 tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Ông Trương Quang K phải chịu án phí, chi phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ông Trương Quang K đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; ngoài ra không có địa chỉ cư trú nào khác nên Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Cá nhân ông Trương Quang K vay vốn của Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng số 877/2016/DQ ngày 11/05/2016, nên Tòa xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng T và bị đơn là ông Trương Quang K.

[1.3]. Về thụ lý vụ án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Quang K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, bà Đào Thị Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa tổng đạt nhưng ông K, bà C không có mặt tại địa chỉ theo đơn khởi kiện để nhận các văn bản tố tụng. Qua xác minh ông K, bà C đã đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu, không rõ thời điểm trở về. Tòa căn cứ điểm a khoản 2 Điều 06 Nghị Quyết số 04/2017/NQ – HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn khoản 1, khoản 3 Điều 192 về trả lại đơn khởi kiện, nộp lại đơn khởi kiện thì việc ông K, bà C vắng mặt tại nơi cư trú nhưng Tòa vẫn thụ lý giải quyết theo thủ tục chung mà không phải đình chỉ vụ án; Tòa tổng đạt thủ tục xét xử hợp lệ 02 lần, nhưng bị đơn ông Trương Quang K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, bà Đào Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Trương Quang K, bà Nguyễn Thị C, bà Đào Thị Đ là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bị đơn Trương Quang K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C không đến Tòa làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn, kiêm phương án trả nợ ngày 05/5/2016; Hợp đồng tín dụng số 877/2016/DQ ngày 11/5/2016; giấy nhận nợ số 2270 ngày 11/5/2016 thể hiện ông Trương Quang K có vay của Ngân hàng T số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Trương Quang K đã vi phạm hợp đồng tín dụng, cụ thể đến tháng 3/2017 là hết thời hạn thực hiện hợp đồng, ông K có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ gốc lãi, nhưng ông K không chịu trả nợ. Tính đến ngày 10/6/2019 (ngày nộp đơn khởi kiện) thì ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với thời hạn là 27 tháng.

Theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông Trương Quang K phải trả cho Ngân hàng, tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 877/2016/DQ tính đến ngày 19/3/2020 là 271.197.172đ (hai trăm bảy mươi một triệu, một trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm bảy mươi hai đồng; trong đó nợ tiền gốc là 196.400.000đ, nợ tiền lãi trong hạn tính đến ngày 19/3/2020 là 50.499.901đ, nợ tiền lãi quá hạn tính đến ngày 19/3/2020 là 24.297.172đ). Căn cứ vào chứng từ thanh toán nợ, thời hạn trả nợ, mức lãi suất vay, thì số tiền ông K có nghĩa vụ trả nêu trên là phù hợp với chứng cứ khởi kiện, đúng quy định pháp luật và sự thỏa thuận hai bên.

Do ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ, căn cứ nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, thì nội dung khởi kiện của Ngân hàng là đúng pháp luật, ông K có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/3/2020 là 271.197.172đ (hai trăm bảy mươi một triệu, một trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm bảy mươi hai đồng), đồng thời ông Trương Quang K phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 20/3/2020 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 877/2016/DQ ngày 11/5/2016.

Trong trường hợp ông Trương Quang K không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C mang số thửa 456, tờ bản đồ số 14 đo vẽ theo bản đồ năm 1999 tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được phát mãi tại giai đoạn Thi hành án để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp số 721/2016/HĐTC.DQ ngày 11/05/2016 được ký giữa Ngân hàng T- Chi nhánh D với bà Nguyễn Thị C, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, Ngân hàng và ông H thỏa thuận trong thời hạn 1(một) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông có trách nhiệm dọn sạch toàn bộ cây keo và tháo dỡ 06 trụ bê tông trên thửa đất số 456, tờ bản đồ số 14 đo vẽ theo bản đồ năm 1999 tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi giao lại đất trống để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nội dung thỏa thuận này mặc dù không có mặt bà Nguyễn Thị C nhưng do quyền định đoạt của bà C lúc

này không còn nữa, nên thỏa thuận này không trái quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.5]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) ông Trương Quang K phải chịu. Ngân hàng đã nộp tạm ứng 2.500.000đ và chi phí xong, nên buộc ông Trương Quang K phải trả lại cho Ngân hàng T số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[2.6]. Về án phí: Ông Trương Quang K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.559.858đ (mười ba triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn, tám trăm năm mươi tám đồng).

[2.7] Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí là 6.193.897đ (sáu triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002195 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 323, Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV H14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

- Buộc ông Trương Quang K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 19/3/2020 là 271.197.172đ ((hai trăm bảy mươi một triệu, một trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm bảy mươi hai đồng), trong đó nợ tiền gốc là 196.400.000đ (một trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng), nợ tiền lãi trong hạn tính đến ngày 19/3/2020 là 50.499.901đ (năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm lẻ một đồng), nợ tiền lãi quá hạn tính đến ngày 19/3/2020 là 24.297.172đ (hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm bảy mươi hai đồng)).

- Kể từ ngày 20/3/2020 ông Trương Quang K phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 877/2016/DQ ngày 11/5/2016.

- Trong trường hợp ông Trương Quang K không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 721/2016/HĐTC.DQ ngày 11/05/2016 được ký giữa Ngân hàng T - Chi nhánh D với bà Nguyễn Thị C là thửa đất số 456, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.040m² (đo vẽ theo bản đồ năm 1999)

tọa lạc tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được phát mãi tại giai đoạn Thi hành án theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho ngân hàng.

- Trường hợp tài sản bảo đảm tiền vay sau khi xử lý, nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì ông Trương Quang K phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Ngân hàng T với ông Lê Văn H, bà Đào Thị Đ trong thời hạn 1 (một) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông Lê Văn H sẽ tự nguyện đồn chặt toàn bộ cây keo, tháo dỡ trụ bê tông có trên thửa đất số 456, tờ bản đồ số 14 xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi giao đất trồng cho Ngân hàng để khi cần Ngân hàng sẽ xử lý phát mãi thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trương Quang K phải chịu 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền trên Ngân hàng đã nộp tạm ứng và chi phí xong, nên buộc ông Trương Quang K phải trả lại cho Ngân hàng T số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Ông Trương Quang K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.559.858đ (mười ba triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn, tám trăm năm mươi tám đồng).

5. Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí là 6.193.897đ (sáu triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002195 ngày 09/8/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ngân hàng T, ông Lê Văn H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Quang K, bà Nguyễn Thị C, bà Đào Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng

